

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.
- * *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đình Cự.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.
- * *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án.
- * *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Lưu Thị N**, sinh năm 1986

HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn T xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

* *Bị đơn:* **Anh Bùi Thọ H**, sinh năm 1980

HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Hiện đang thi hành án tại: Đội 33, phân trại số 1, Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa – Địa chỉ: Xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị N có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 21/6/2019; Bản tự khai ngày 24/6/2019 và tại phiên tòa chị Lưu Thị N nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Thọ H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị phát hiện anh H bị nghiện ma túy, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, không tu chí làm ăn, sau đó anh H bị bắt về

hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản, hiện nay anh H đang thi hành án tại Trại giam Thanh Cẩm. Nay chị xác tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn với anh Bùi Thọ H.

* *Về con chung*: Chị và anh Bùi Thọ H có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2012. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân may ở công ty cùn phần may xuất khẩu Đại Đồng, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000đồng đến 12.000.000đồng.

* *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 03/7/2017 anh Bùi Thọ H bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Lưu Thị N kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn và do tự nguyện. Vợ chồng sống hòa thuận đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N có quan hệ trai gái bên ngoài, vợ chồng đã ly thân. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Về con chung*: Anh và chị N có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2012, hiện nay 02 con đang ở với mẹ, nguyện vọng của anh là sau khi chấp hành xong án phạt tù anh sẽ nuôi dưỡng các con.

* *Về tài sản*: Vợ chồng có 01 ngôi nhà tại thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và đang đứng tên anh Bùi Thọ H. Sau khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh tài sản trên để khi anh về có chỗ ở và nuôi con. Về nợ, anh và chị N không nợ ai.

Nguyện vọng của anh là khi nào anh chấp hành xong án phạt tù thì mới giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị N vì còn liên quan đến tài sản và nuôi con nên anh không viết đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn Tòa án đã gửi đầy đủ các tài liệu tố tụng cho anh H và anh H đã có bản tự khai. Tại phiên tòa ngày 23/8/2019 do anh H vắng mặt nên Tòa án đã căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày 12/9/2019 anh H vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bùi Thọ H là đúng quy định.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị N đã được HĐXX phân tích giải thích, động viên để cho anh H cơ hội, tuy nhiên chị N khẳng định giữa chị và anh H không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn với anh H nên đề nghị HĐXX

xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn với anh Bùi Thọ H.

+ Về con chung: Chị Lưu Thị N và anh Bùi Thọ H có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2012. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có nguyện vọng sau khi chấp hành xong án phạt tù anh sẽ nuôi dưỡng các con. Xét điều kiện của chị N và anh H thấy hiện anh H đang thi hành án tại Trại giam Thanh Cẩm nên không thể trực tiếp nuôi con nên đề nghị HĐXX giao cả 02 con cho chị N trực tiếp nuôi con và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị sau khi ly hôn Tòa án giao cho anh tài sản là 01 ngôi nhà ở thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của vợ chồng đang đứng tên anh để khi anh về có chỗ ở và nuôi con, xét thấy đây chỉ là đề nghị của anh H không phải yêu cầu chia tài sản, mặt khác anh H không nộp đơn yêu cầu, các tài liệu chứng cứ về tài sản nên đề nghị HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí: Chị Lưu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Thọ H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nên căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 23/8/2019 anh Bùi Thọ H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 12/9/2019 anh Bùi Thọ H vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Thọ H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh H; anh H xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị N có quan hệ trai gái bên ngoài, chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H ngày 18/7/2019, Ủy ban nhân dân xã Đ và cơ sở thôn N cung cấp như sau: Chị Lưu Thị N và anh Bùi Thọ H có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2004 tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình

anh H tại thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh H đang thi hành án phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”, chị N đã về nhà bố mẹ để chị ở xã Đ để sinh sống. Nay chị N xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Lưu Thị N và anh Bùi Thọ H có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2012. Chị N xin ly hôn anh Hưng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị cho rằng tình cảm giữa chị và anh H không còn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có nguyện vọng khi nào anh chấp hành xong hình phạt tù thì giải quyết việc ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa HĐXX giải thích các quy định của pháp luật và khuyên giải, phân tích để chị N hiểu, thông cảm với điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của anh H. Tuy nhiên, chị N vẫn khẳng định tình cảm giữa chị và anh H không còn, chị vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H. Vì vậy HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã trầm trọng và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H nên cần được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị N và anh Bùi Thọ H có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2012. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H có nguyện vọng sau khi chấp hành xong án phạt tù anh sẽ nuôi dưỡng các con. Xét về điều kiện hoàn cảnh thực tế, anh H đang thụ lý án tại trại giam Thanh Cẩm nên việc chăm sóc con bị hạn chế nên để đảm bảo quyền lợi cho các con, HĐXX thấy rằng cần giao cả 02 con cho chị N nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi thi hành án xong anh H có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con.

[4] Về tài sản: Anh Bùi Thọ H đề nghị sau khi ly hôn Tòa án giao cho anh tài sản là 01 ngôi nhà ở thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của vợ chồng đang đứng tên anh để khi anh chấp hành xong hình phạt tù có chỗ ở và nuôi con. Xét thấy đây là nguyện vọng, đề nghị của anh H, không phải yêu cầu chia tài sản chung, ngoài ra chị N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh H có yêu cầu chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn anh Bùi Thọ H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lưu Thị N trực tiếp nuôi 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 05/8/2005 và Bùi Thị D, sinh ngày 15/11/2002 và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008056 ngày 24/6/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Thọ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

HOÀNG VĂN THÀNH